TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thi Hữu Giàu.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà HByắ - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy K - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2019, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà HByắ trình bày:

Bà và ông Trần Duy K xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Duy K.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Kim N Byă, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2019 bị đơn ông Trần Duy K trình bày và yêu cầu: Ông thống toàn bộ phần trình bày của bà HByắ về ngày tháng và điều kiện kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẩn, nguyên nhân mâu thuẩn, thời gian ly thân, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà HByắ.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất giữa ông và bà HByắ có một con chung tên Trần Thị Kim Ngọc Byă, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống với bà HByắ. Khi ly hôn ông đồng ý để bà HByắ trực tiếp nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn bà HByắ, bị đơn ông K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà HByắ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Duy K, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà HByắ, bị đơn ông Trần Duy K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà HByắ theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà HByắ và ông Trần Duy K chung sống có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà HByắ và ông K là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà HByắ và ông K, Hội đồng xét xử nhận định: Bà HByắ và ông K đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét bà HByắ và ông K đều thừa nhận trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẩn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà HByắ và ông K đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẩn giữa bà HByắ và ông K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc HByắ và

ông K thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà HByắ và ông K thống nhất bà HByắ nuôi con chung Trần Thị Kim N Byă, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống với bà HByắ phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Xét việc bà HByắ không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà HByắ và ông K trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà HByắ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà HByắ đã nộp đủ án phí.

[10] Ông K không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà HByắ được ly hôn với ông Trần Duy K.

2. Về nuôi con chung: Bà HByắ được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Kim N Byă, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống với bà HByắ. Ông Trần Duy K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà HByắ và ông K có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà HByắ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004856 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà HByắ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái